

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2019/DS-ST

Ngày: 06 - 9 - 2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lắm

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giang.

Ông Lê Minh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2019/TLST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2019/QĐXXST - DS, ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Văn H, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Khu vực B, phường T, thị xã Long, Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn Độ, sinh năm: 1985. (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019).

Địa chỉ: Số 79, đường Hùng Vương, phường 5, thành phố Vị Thanh, Hậu Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Trần Thanh V, Nguyễn Thị Thu C, Lưu Thị B.

Cùng địa chỉ: Khu vực C, phường T, thị xã Long Mỹ, Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn Trương Văn H có đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn Độ trình bày: Vào ngày 01/4/2018 dương lịch, ông H có cho ông Trần Thanh V, bà Nguyễn Thị Thu C vay số tiền 560.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn vay 03 tháng trả đủ vốn, lãi. Tuy nhiên đến thời gian thỏa thuận, ông V, bà C không trả vốn và lãi cho ông H, ông H đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà C trả nợ nhưng ông V, bà C có hứa mà không thực hiện, sau đó bà Lưu Thị B là mẹ ruột bà Nguyễn Thị Thu C, mẹ vợ ông Trần Thanh V có làm văn bản xác nhận đứng ra trả nợ thay cho bà C và ông V nếu bà C và ông V không trả nợ cho ông H. Từ khi lập văn bản xác nhận đến nay ông V, bà C và bà B cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Thanh V, Nguyễn Thị Thu C, Lưu Thị B trả số tiền còn nợ là 560.000.000 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày 02/4/2018 đến ngày 02/9/2019 là 17 tháng với số tiền 95.200.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Thanh V, bà Nguyễn Thị Thu C, bà Lưu Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đối với bị đơn ông Trần Thanh V, bà Nguyễn Thị Thu C, bà Lưu Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông V, bà C, bà B.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nội dung vụ án: Theo nguyên đơn Trương Văn H trình bày, vào ngày 01/4/2018 dương lịch, ông V, bà C có vay của ông H 560.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn vay 03 tháng trả vốn và lãi. Ông H đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà C trả nợ nhưng không thực hiện, sau đó bà Lưu Thị B là mẹ ruột bà Nguyễn Thị Thu C, mẹ vợ ông Trần Thanh V có làm văn bản xác nhận đứng ra

trả nợ thay cho bà C và ông V nếu bà C và ông V không trả nợ cho ông H, nhưng bà B cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay và lãi suất phát sinh.

[4] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, ông Trần Văn Độ là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, vào ngày 01/4/2018 dương lịch, ông H có cho ông Trần Thanh V, bà Nguyễn Thị Thu C vay số tiền 560.000.000 đồng, khi vay ông V bà C có làm biên nhận, thời hạn thỏa thuận trả vốn và lãi là 03 tháng kể từ ngày vay, tuy nhiên ông V, bà C không trả vốn, lãi cho ông H theo thỏa thuận và cố tình kéo dài thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên bà Lưu Thị B là mẹ ruột bà C, mẹ vợ ông V đồng ý đứng ra trả nợ thay cho ông V, bà C nếu bà C và ông V không trả nợ cho ông H, bà B có ký tên xác nhận đồng ý trả nợ thay cho ông V, bà C, nhưng bà B cũng không thực hiện. Tổng số tiền ông V, bà C, bà B còn nợ là 560.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 95.200.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn cung cấp biên nhận ngày 01/4/2018 dương lịch, có chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thu C, Trần Thanh V và văn bản xác nhận ngày 26/3/2019 có dấu vân tay của bà Lưu Thị B và văn bản đã được chứng thực.

[5] Đối với ông V, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xác định chữ ký trong biên nhận có phải của các đương sự hay không, số tiền các đương sự đã vay có đúng như ông H trình bày hay không nhưng ông V, bà C vắng mặt không lý do.

[6] Đối với nội dung giấy xác nhận ngày 26/3/2019 thì bà Lưu Thị B thống nhất bảo lãnh trả nợ thay cho bà C, ông V khi bà C và ông V không trả nợ cho ông H. Để xác định lại nội dung bảo lãnh, Tòa án đã triệu tập bà B nhiều lần nhưng bà B vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì gửi đến Tòa án. Bên cạnh đó văn bản xác nhận đã được chứng thực hợp pháp, nên việc bà B bảo lãnh trả nợ cho bà C, ông V là có thật.

[7] Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*” và tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó*”.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[9] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Trương Văn H: Theo hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, xét thấy lãi suất thỏa thuận không vượt quá quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận của nguyên đơn là có căn cứ.

Ông V, bà C vay số tiền 560.000.000 đồng vào ngày 01/4/2018 dương lịch, tính đến thời điểm xét xử là 17 tháng 05 ngày, tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu tính tròn 17 tháng là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận: 560.000.000 đồng x 1% x 17 tháng = 95.200.000 đồng.

[10] Như vậy tổng số tiền ông V, bà C, bà B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 655.200.000.000 đồng, trong đó 560.000.000 đồng tiền vốn và 95.200.000 đồng tiền lãi.

[11] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Bị đơn còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[13] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ: Điều 335, 336, 339, 342, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn H.

Buộc bị đơn ông Trần Thanh V, bà Nguyễn Thị Thu C, bà Lưu Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Trương Văn H số tiền 655.200.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng*). Trong đó vốn 560.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu đồng*) và lãi suất phát sinh 95.200.000 đồng (*chín mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn Trương Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông V, bà C, bà B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Thanh V, Nguyễn Thị Thu C, Lưu Thị B phải chịu 30.208.000 đồng (*Ba mươi triệu, hai trăm lẻ tám ngàn đồng*).

Nguyên đơn Trương Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.768.000 đồng (*mười bốn triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai số 0021283 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/9/2019. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Trần Văn Lắm**